

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH TRƯỜNG THCS TÂN QUÝ TÂY LỚP: HỌ VÀ TÊN:		ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2023 – 2024 Ngày kiểm tra: 20/12/2023 Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)		Số TT
MÔN THI: VẬT LÝ 9 ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề kiểm tra có 04 trang)	Số ký danh	Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	Số mật mã

✂.....

LỜI DẶN THÍ SINH	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	Số mật mã
LỜI GHI CỦA GIÁM KHẢO	ĐIỂM BÀI KIỂM TRA		Số TT

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Học sinh đánh dấu X vào ô tương ứng để chọn; muốn bỏ thì khoanh tròn; lấy lại thì tô đen

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A																
B																
C																
D																

Câu 1: Dụng cụ điện khi hoạt động toàn bộ điện năng biến đổi thành nhiệt năng là:

- A. Bóng đèn B. Ấm điện C. Quạt điện D. Máy bơm nước

Câu 2: Dây dẫn có chiều dài l , tiết diện S và làm bằng chất có điện trở suất ρ , thì có điện trở R được tính bằng công thức:

- A. $R = \rho \frac{S}{l}$ B. $R = \frac{l}{\rho S}$ C. $R = \frac{lS}{\rho}$ D. $R = \rho \frac{l}{S}$

Câu 3: Điện trở của dây dẫn không phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?

- A. Vật liệu làm dây dẫn B. Khối lượng của dây dẫn
C. Chiều dài của dây dẫn D. Tiết diện của dây dẫn.

Câu 4: Đơn vị nào dưới đây là đơn vị của công suất điện?

- A. J B. Kw.h C. W.s D. W

Câu 5: Đổi 1kW.h = ? J (Joule)

- A. 1000J B. 3 600J C. 36 000J D. 3 600 000J

Câu 6: Công của dòng điện không tính theo công thức nào?

- A. $A = U.I.t$ B. $A = \frac{U^2}{R}t$ C. $A = I^2.R.t$ D. $A = I.R.t$

Câu 7. Chọn phát biểu đúng về sự chuyển hóa năng lượng trong các dụng cụ dưới đây?

- A. Đèn LED: quang năng biến đổi thành nhiệt năng
B. Nồi cơm điện: Nhiệt năng biến đổi thành điện năng
C. Quạt điện: Điện năng biến đổi thành cơ năng và nhiệt năng
D. Máy bơm nước: Cơ năng biến đổi thành điện năng và nhiệt năng

HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO Ô NÀY

Câu 8: Hai bóng đèn có ghi: (220V – 25W), (220V – 40W). Để 2 bóng đèn trên hoạt động bình thường ta mắc song song vào nguồn điện

- A. 220V B. 110V C. 25V D. 40V

Câu 9: Một bếp điện hoạt động liên tục trong 4h, khi đó số chỉ công tơ điện tăng thêm 3 số. Điện năng tiêu thụ của bếp là

- A. 3kW.h B. 3000W.s C. 3kJ D. 3W.h

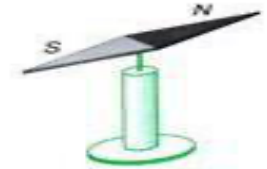
Câu 10: Biểu thức của định luật Joule- Lenz là:

- A. $Q = I^2 \cdot R^2 \cdot t$ B. $Q = I \cdot R^2 \cdot t$ C. $Q = I^2 \cdot R \cdot t$ D. $Q = I \cdot R \cdot t$

Câu 11: Đặt kim nam châm trên giá thẳng đứng như hình sau.

Khi đứng cân bằng, kim nam châm nằm dọc theo hướng nào?

- A. Đông – Tây B. Đông bắc - Tây nam
C. Bắc – Nam D. Tây bắc - Đông Nam



Câu 12: Khi nào hai thanh nam châm hút nhau?

- A. Khi hai cực Bắc để gần nhau B. Khi để hai cực khác tên gần nhau.
C. Khi hai cực Nam để gần nhau. D. Khi để hai cực cùng tên gần nhau.

Câu 13: Lực do dòng điện tác dụng lên kim nam châm để gần nó được gọi là:



- A. Lực hấp dẫn B. Lực từ C. Lực điện D. Lực điện từ.

Câu 14: Nam châm vĩnh cửu có:

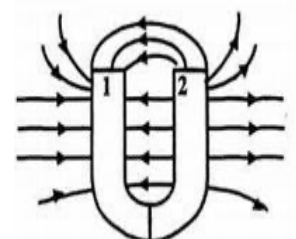
- A. Một cực B. Hai cực C. Ba cực D. Bốn cực

Câu 15: Làm thế nào để nhận biết được tại một điểm trong không gian có từ trường?

- A. Đặt ở điểm đó một sợi dây dẫn, dây bị nóng lên
B. Đặt ở đó một kim nam châm, kim bị lệch khỏi hướng Bắc Nam
C. Đặt ở đó các vụn giấy thì chúng bị hút về hai hướng Bắc Nam
D. Đặt ở đó kim bằng đồng, kim luôn chỉ hướng Bắc Nam

Câu 16: Chiều của đường sức từ của nam châm chữ U được vẽ như sau. Tên các từ cực của nam châm là:

- A. 1 là cực Bắc, 2 là cực Nam B. 1 là cực Nam, 2 là cực Bắc
C. 1 và 2 là cực Bắc D. 1 và 2 là cực Nam



HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO Ô NÀY

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1. (1,0 điểm) Bạc dẫn điện tốt hơn đồng. Em hãy giải thích vì sao người ta thường chọn đồng mà không chọn bạc để làm vật liệu chế tạo các dây dẫn điện?

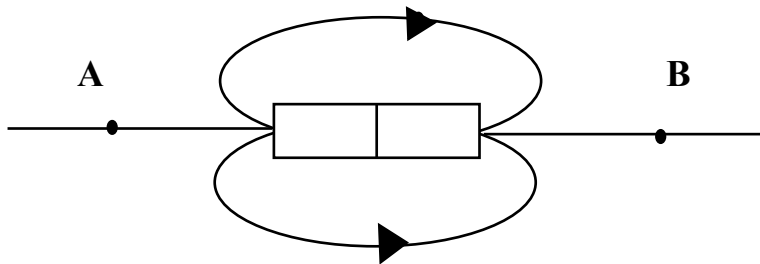
.....

.....

.....

Câu 2. (1,0 điểm)

Em hãy xác định cực từ N-S của nam châm và vẽ chiều đường sức từ tại vị trí A, B



Câu 3. (1,0 điểm) Theo định luật Joule – Lenz, em hãy giải thích tại sao với cùng một dòng điện I chạy qua trong thời gian t là như nhau, dây tóc bóng đèn nóng lên tới nhiệt độ cao còn dây dẫn nối với bóng đèn thì hầu như không nóng lên?

.....

.....

.....

.....

Câu 4. (3,0 điểm). Một bóng đèn sợi đốt có ghi (220V - 40 W) được mắc vào hiệu điện thế 220V và thắp sáng liên tục trong 5h.

a/ Tính cường độ dòng điện qua bóng đèn khi hoạt động bình thường.

b/ Tính điện năng mà bóng đèn này sử dụng trong thời gian trên.

c/ Nếu bóng đèn này sử dụng ở hiệu điện thế 200V trong thời gian trên thì nó tiêu thụ điện năng là bao nhiêu?

.....

.....



HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO Ô NÀY

[illegible]

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Học sinh đánh dấu X vào ô tương ứng để chọn; muốn bỏ thì khoanh tròn; lấy lại thì tô đen

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A								X	X							
B	X		X									X	X	X	X	X
C							X			X	X					
D		X		X	X	X										

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**Câu 1:**

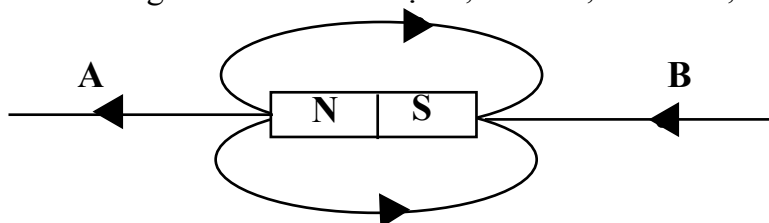
Vì đồng cũng dẫn điện tốt mà giá rẻ hơn bạc

- trả lời đúng 2 ý: $0,5 \times 2 = 1,0$ điểm

Câu 2: Xác định đúng cực nam châm

- 0,5 đ

Vẽ đúng chiều 2 mũi tên tại A, B - $0,25 \times 2 = 0,5$ đ



Câu 3: Do dây tóc có điện trở lớn hơn dây nối nên khi dòng điện chạy qua 2 dây là như nhau, thời gian là như nhau thì nhiệt lượng toả ra trên dây tỉ lệ thuận với điện trở do đó dây tóc nóng lên tới nhiệt độ cao còn dây dẫn nối với bóng đèn hầu như không nóng lên

Giải thích đúng 1,0 điểm

Câu 4:

Tóm tắt

Bóng đèn (220V – 40 W)

$U = 220 \text{ V}$; $t = 5\text{h}$

a/ $I = ?$

b/ $A = ?$

c/ $A' = ?$ $U' = 200\text{V}$

Giải

a/ Cường độ dòng điện qua bếp

$$I = \frac{P}{U} = \frac{40}{220} = 0,18 \text{ (A)}$$

- công thức 0,5 điểm – thế số, kết quả 0,5 điểm

b/ Điện năng bóng đèn sử dụng

$$A = P.t = 40.5 = 200 \text{ (W.h)} = 0,2 \text{ (kW.h)}$$

- công thức 0,5 điểm – thế số, kết quả 0,5 điểm

c/ Điện trở dây tóc bóng đèn

$$R = \frac{U^2}{P} = \frac{220^2}{40} = 1210 \text{ (}\Omega\text{)}$$

- công thức 0,25 điểm – kết quả 0,25 điểm

Điện năng bóng đèn sử dụng ở $U' = 200\text{V}$

$$A' = \frac{U'^2}{R} t = \frac{200^2}{1210} 5 = 165,29 \text{ (W.h)}$$

$$= 0,16529 \text{ (kW.h)}$$

- công thức 0,25 điểm – kết quả 0,25 điểm

NHÓM LÝ- TRƯỜNG THCS TÂN QUÝ TÂY
KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 LÝ 9

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung tuần 14.*
- **Thời gian làm bài:** *45 phút.*
- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- **Cấu trúc:**
 - *Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
 - *Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (gồm 8 câu hỏi: nhận biết: 6 câu, thông hiểu: 2 câu), mỗi câu 0,5 điểm;*
 - *Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số ý/câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	
1(11 tiết)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chủ đề 5: Các yếu tố ảnh hưởng đến điện trở (2 tiết)	2			1							1,5
Chủ đề 8: Công và công suất của dòng điện – Luyện tập (4 tiết)	2		2			2ý		1ý			4,0
Chủ đề 9: Công và công suất của điện trở. Định luật Joule - Lenz – Luyện tập (2 tiết)	2		2	1							2,0
Chủ đề 14: Tác dụng từ của nam châm, của dòng điện (1 tiết)	4										1,0
Chủ đề 15: Từ trường (2 tiết)	2	1									1,5
Số câu TN/TL	12	1	4	2	0	2ý	0	1ý	16	4	10,00
Điểm số	3,0	1,0	1,0	2,0	0,0	2,0	0,0	1,0	4,0	6,0	10
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm